

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG LAO ĐỘNG VẠN TÍN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG LAO ĐỘNG VẠN TÍN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VAN TIN LABOR SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110281755

**3. Ngày thành lập:** 13/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Liên Kề 48-49 Khu D11 Geleximco Lê Trọng Tấn, Đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0345234483

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm( gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính.<br>Trừ hoạt động dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể | 8559     |
| 2.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn du học<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>- Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>- Dịch vụ kiểm tra giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8560     |
| 3.  | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4711 |
| 5.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4721 |
| 6.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                      | 4722 |
| 7.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt<br>- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản<br>- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1075 |
| 8.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ lương thực khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ rau quả lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ thực phẩm chín lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ thực phẩm | 4781 |
| 9.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết:<br>Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5610 |
| 10. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5629 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>(trừ đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động)<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm | 7810(Chính) |
| 12. | Cung ứng lao động tạm thời<br>"trừ cung ứng lao động cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động"                                                                                                                                                                                 | 7820        |
| 13. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết:<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước                                                                                                                                                                                    | 7830        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                           | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MINH ĐÔNG | Số nhà 24/36/9 Ngõ Chùa Liên Phái, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    | 001085003796                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                  | Tổng số                   | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                             |                           |        |             |        |                  |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 2 | MAI QUỐC CƯỜNG  | A27 Nơ 12, Phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông         | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 | 0170870000<br>30 |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                             | Tổng số                   | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 |                  |
|   |                 |                                                                                             |                           |        |             |        |                  |
| 3 | PHẠM ĐÌNH TRUNG | Số nhà 14, Ngõ 36 Phố Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 | 0020850087<br>02 |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                             | Tổng số                   | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 |                  |
|   |                 |                                                                                             |                           |        |             |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH ĐÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/11/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001085003796

Ngày cấp: 17/11/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số nhà 24/36/9 Ngõ Chùa Liên Phái, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 24/36/9 Ngõ Chùa Liên Phái, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội